

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHẤT LƯỢNG HỌC SINH, SINH VIÊN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Nguyễn Hữu Châu\*

**Đ**ánh giá chất lượng giáo dục phải có tính tổng thể và toàn diện vì về thực chất đó là đánh giá chất lượng của tất cả các thành tố cơ bản tạo nên nền giáo dục. Trong các thành tố của chất lượng giáo dục, chất lượng của "sản phẩm giáo dục" tức là chất lượng của người học là điều xã hội hết sức quan tâm. Tuy nhiên, việc đánh giá này là hết sức phức tạp phải dựa trên các chuẩn mực và hệ thống tiêu chí rất cụ thể. Trong khi chờ đợi những đánh giá đầy đủ hơn, dựa trên một số nghiên cứu điều tra đã được tiến hành có thể nêu ra một số nhận định cơ bản về chất lượng học sinh, sinh viên Việt Nam trong những năm gần đây, đặc biệt từ 1998 đến nay.

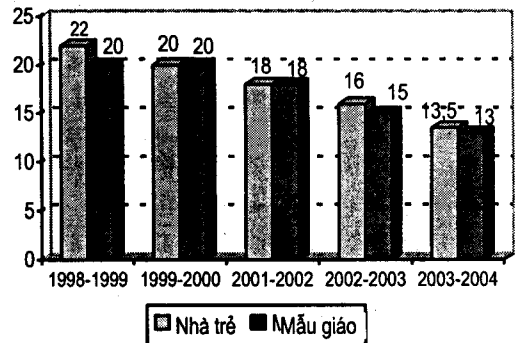
## 1. Giáo dục mầm non

Chất lượng học sinh mầm non được thể hiện qua tình trạng trẻ suy dinh dưỡng; mức độ tích cực của trẻ khi tham gia các hoạt động vận động, ngôn ngữ, giao tiếp, nhận thức; mức độ phát triển của trẻ về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ; mức độ đáp ứng yêu cầu chuẩn bị vào tiểu học.

Trong 6 năm (từ 1998 đến nay), trung bình hàng năm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm xuống rõ rệt (từ 2-3%/năm), thấp hơn nhiều so với tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ trong cộng đồng (28,4%). Kết quả điều tra cho thấy năm học 2003-2004, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở

\* PGS.TS., Viện Chiến lược và chương trình giáo dục.

nhà trẻ là 13,5%, ở mẫu giáo là 13%.



Hình 1. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ mầm non giai đoạn 1998-2004

Sự phát triển của trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non về các mặt thể chất, nhận thức, tình cảm cao hơn so với những trẻ không ra lớp. Kết quả điều tra được tiến hành ở các khu vực khác nhau cũng như nhận xét của các cán bộ quản lý giáo dục mầm non, các cô giáo và cha mẹ các cháu đều cho thấy rằng phần lớn trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non đã có những tiến bộ về các mặt sau:

- Có được một số kỹ năng xã hội, nề nếp, thói quen, hành vi văn minh (gọn gàng, ngăn nắp, biết giữ gìn vệ sinh thân thể và môi trường, mạnh dạn khi giao tiếp, cư xử lễ phép, biết chào hỏi, biết cảm ơn, xin lỗi đúng lúc, đúng chỗ...);
- Có khả năng quan sát sự vật và hiện tượng tự nhiên khá tinh tế, trí tưởng tượng và sáng tạo phát triển khá tốt;
- Có tình cảm thẩm mỹ (biết yêu và thích cái đẹp, biết trân trọng, bảo vệ và

giữ gìn cái đẹp).

Kết quả điều tra cũng cho thấy: trẻ 5 tuổi học mẫu giáo đã được chuẩn bị tương đối đầy đủ để vào học ở tiểu học như biết giữ tư thế khi ngồi học, biết tập trung để nghe cô giảng, biết cầm bút, biết cầm sách vở, phát âm tương đối đúng. Những kết quả trên không chỉ thể hiện ở trẻ miền xuôi mà thể hiện cả ở trẻ dân tộc thiểu số.

Những kết quả này chứng tỏ trong những năm qua giáo dục mầm non đã đạt được những tiến bộ đáng kể về chất lượng theo định hướng đúng đắn là hình thành và phát triển nhân cách toàn diện từ lứa tuổi thơ.

## 2. Giáo dục phổ thông

Chất lượng giáo dục phổ thông được thể hiện ở một số mặt cơ bản như: đạo đức, kiến thức, kỹ năng và thể chất.

### 2.1. Về đạo đức của học sinh

Chuẩn mực đạo đức trong nhà trường được thể hiện chủ yếu và cụ thể qua nội quy nhà trường. Đạo đức của mỗi học sinh được đánh giá qua quá trình theo dõi, quan sát của giáo viên, bè bạn, đoàn thể với sự phối hợp của gia đình bằng các hình thức như nhận xét của giáo viên sau từng thời gian, điểm hạnh kiểm hàng năm. Chất lượng đạo đức được xem xét không chỉ về mặt đạo đức mà còn kết hợp với những biểu hiện về tư tưởng chính trị, về lối sống, đặc biệt là đối với học sinh ở các bậc trung học. Căn cứ vào kết quả đánh giá đạo đức hàng năm (qua điểm hạnh kiểm) cũng như nhận xét, kết luận của nhiều đề tài nghiên cứu các cấp về lĩnh vực này; các báo cáo đánh giá của các đoàn thể, đặc biệt là của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, có

thể nhận định chung về chất lượng đạo đức của học sinh phổ thông như sau:

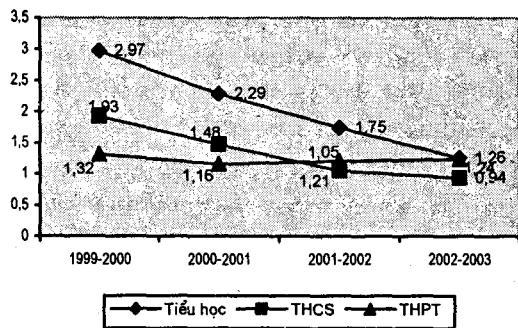
- Đại đa số học sinh tiểu học thực hiện tốt nội quy nhà trường (bao gồm những quy định về bốn phạm, trách nhiệm, thái độ đối với việc học tập, đối với mọi người xung quanh, đối với kỷ cương của xã hội, ...) kể cả trong nhận thức và trong hành vi. Chỉ có một tỷ lệ không đáng kể học sinh có biểu hiện hư, hỗn. Đạo đức học sinh trung học được xem xét trong mối liên quan với lối sống, tư tưởng chính trị, đặc biệt là học sinh THPT. Căn cứ vào hệ thống các giá trị được xác định (lòng kính trọng, sự biết ơn, tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, bảo vệ môi trường, tính tích cực xã hội, sự quan tâm đến tình hình thời sự, sống giản dị, lành mạnh và có mục đích, có kỷ luật, có tinh thần hợp tác...) kết hợp với việc đánh giá thực hiện nội quy nhà trường có thể thấy tuyệt đại đa số học sinh trung học đã tuân theo các chuẩn mực nói trên, thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường. Tỷ lệ học sinh yếu kém về hạnh kiểm chiếm chưa đến 1%.

- Mặc dầu có những kết quả như trên nhưng đạo đức của học sinh cũng còn những biểu hiện chưa tốt: học sinh còn thiếu chủ động, linh hoạt, thiếu sự tự tin, đặc biệt là trong hoạt động học tập ở trên lớp. Điều đáng lo ngại nhất ở học sinh các bậc học trên là đã xuất hiện một số biểu hiện của lối sống thực dụng, dẫn đến những hiện tượng đối phó, gian lận, thiếu trung thực trước hết là trong học tập. Kết quả của một nghiên cứu bằng trắc nghiệm tâm lý - xã hội cho thấy có khoảng từ 17 - 21% học sinh có

những thiếu hụt rõ rệt về nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức; trong đó có một số mắc vào các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật (nghiện ma túy, gây rối trật tự công cộng...). Đáng báo động là cá biệt có học sinh trở thành tội phạm hình sự nghiêm trọng. Những hiện tượng đó cho thấy công tác giáo dục tư tưởng - chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, đặc biệt là học sinh bậc trung học còn nhiều bất cập; sự phối hợp giáo dục giữa gia đình - nhà trường - xã hội còn yếu và kém hiệu quả.

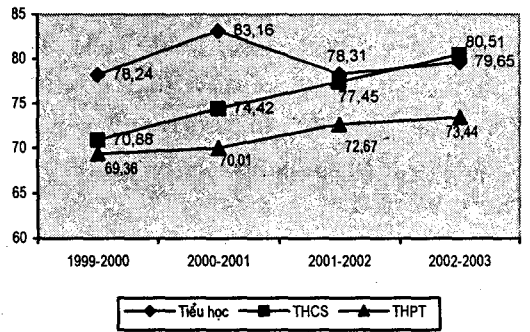
**2.2. Về kiến thức, kỹ năng của học sinh**

Căn cứ vào xếp loại học lực của học sinh các cấp học do các sở giáo dục thống kê hàng năm thì tỷ lệ học sinh xếp loại khá, giỏi có chiều hướng tăng, tỷ lệ xếp loại trung bình ổn định, tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém có chiều hướng giảm, tỷ lệ lưu ban giảm; hiệu quả đào tạo của các cấp học đều tăng. Nếu lấy 3 mốc thời gian để đối chiếu là 1995 - 1996, 2000 - 2001 và 2002 - 2003, thì tỷ lệ hoàn thành cấp học của các cấp là: Tiểu học: 60,87%; 74,42% và 80,51%; THCS: 60,22%; 70,01% và 73,44%; THPT: 74,97%; 83,16% và 79,65%.



**Nguồn:** Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục - Đào tạo

**Hình 2: Tỷ lệ học sinh lưu ban giai đoạn 1999 - 2003**



**Nguồn:** Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục - Đào tạo

**Hình 3: Tỷ lệ hoàn thành cấp học giai đoạn 1999 - 2003**

Tuy nhiên, kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng kiến thức vào các tình huống, thực tiễn của đa số học sinh phổ thông còn yếu; tính linh hoạt, độc lập và sáng tạo trong tư duy còn nhiều hạn chế đối với đại đa số học sinh.

Thực tế đã chỉ ra rằng, chất lượng kiến thức và kỹ năng của học sinh có sự chênh lệch khá rõ giữa thành thị với các vùng khác.

Nếu nói về chất lượng mũi nhọn thì trình độ của học sinh giỏi, học sinh ở các trường THPT chuyên, trường chuẩn quốc gia vẫn được duy trì và phát triển. Học sinh Việt Nam luôn đứng trong top 10 nước dẫn đầu về số huy chương đạt được trong các kỳ thi Toán quốc tế. Số học sinh đoạt giải ở các môn khoa học thực nghiệm tăng dần. Nếu tính từ năm 1974 là năm mà Việt Nam bắt đầu tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế thì cho đến nay đã có 432 học sinh dự thi và đạt được 362 giải (83%). Trong đó, số huy chương vàng là 81 (19%). Đây là một kết quả khá so với tất cả các nước trên thế giới. Học sinh tiểu học Việt Nam cũng

chúng tỏ trình độ học tập của mình qua các kỳ thi quốc tế. Học sinh các trường chuyên hầu hết đều trúng tuyển vào đại học. Đa số học sinh Việt Nam học ở nước ngoài đều theo được chương trình đào tạo ở các nước đó, trong đó nhiều học sinh được xếp loại giỏi, xuất sắc.

### 2.3. Về phát triển thể chất của học sinh

Phát triển thể chất của học sinh có thể được đánh giá qua các chỉ số cơ bản như chiều cao, cân nặng, các yếu tố thể lực như sức mạnh, tốc độ, sức bền, sự khéo léo... Ngoài ra việc đánh giá thể chất còn căn cứ vào tỷ lệ mắc các bệnh học đường như cận thị, cong vẹo cột sống... Theo kết quả nghiên cứu của Ủy ban thể dục thể thao và Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước KHXH 04 (năm 2000) thì:

- Tính chung trong vòng 10 năm qua, học sinh nam cao thêm từ 3-4cm, học sinh nữ cao thêm từ 2-3cm, đặc biệt ở lứa tuổi THCS, sau đó giảm dần. Về cân nặng, học sinh nam nặng thêm 3kg và 2kg đối với nữ.

- Các tố chất thể lực tăng rõ rệt so với thế hệ học sinh năm 1975 (bật xa tại chỗ tăng 3% đối với nữ, 6,5% đối với nam; tốc độ tăng 16,61% đối với nam và 4,8% đối với nữ; sức mạnh tăng 29,7% đối với nam, 16,7% đối với nữ...). Tuy nhiên theo các chuyên gia về thể dục thể thao thì tốc độ tăng như vậy vẫn còn thấp. Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó là hoạt động giáo dục thể chất trong trường học chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Bên cạnh đó tỷ lệ cận thị có chiều hướng tăng ở thành phố (9,6% ở

tiểu học, 36,5% ở THCS và 24% ở THPT) so với những năm cuối của thập kỷ 90. Tỷ lệ cong vẹo cột sống dao động từ 16-27% qua các vùng miền. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do điều kiện cơ sở vật chất và chế độ học tập chưa đảm bảo các yêu cầu vệ sinh học đường, ngoài ra còn có những nguyên nhân khác thuộc về sự quan tâm của gia đình và cộng đồng.

### 3. Giáo dục nghề nghiệp

Chưa có những nghiên cứu, đánh giá đầy đủ về chất lượng học sinh học nghề và học sinh các trường trung học chuyên nghiệp. Tuy nhiên, qua báo cáo của một số các trường dạy nghề và trường THCN, tỷ lệ học sinh xếp loại đạo đức xuất sắc và tốt khoảng 40%, còn khoảng 3% học sinh xếp loại yếu kém. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các khóa học vào khoảng 83%, khoảng 80% số học sinh tốt nghiệp đã tìm được việc làm, trong đó nhiều học sinh tự tạo được việc làm, mở các dịch vụ nhỏ.

Có thể nói chất lượng đào tạo nghề đã đáp ứng được yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hiện nay, khi đại bộ phận lao động trong các ngành kinh tế của chúng ta vẫn còn là lao động thủ công và nửa cơ khí. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng của đội ngũ lao động kỹ thuật để phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế thì chất lượng học sinh học nghề và THCN còn nhiều hạn chế, bất cập.

### 4. Giáo dục đại học và sau đại học

Chất lượng sinh viên đại học được đánh giá qua các mặt: tư tưởng, chính

trị, đạo đức, lối sống; kiến thức, kỹ năng đáp ứng với thị trường lao động.

- Về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống

+ Tư tưởng, đạo đức của sinh viên trong mấy năm gần đây có nhiều chuyển biến tiến bộ. Niềm tin của sinh viên vào Đảng và sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo ngày càng được củng cố. Số đông sinh viên có lòng tự tôn dân tộc, giữ được phong cách, truyền thống dân tộc, có ý chí quyết tâm đẩy lùi đói nghèo, lạc hậu. Tỷ lệ sinh viên được kết nạp vào Đảng ngày càng cao. Nếu năm học 1998-1999 mới có 681 sinh viên được kết nạp vào Đảng thì năm học 2002-2003 con số này đã là 1047. Đa số sinh viên Việt Nam có lối sống lành mạnh, và có ý chí vươn lên mạnh mẽ. Hiện tượng sinh viên vi phạm đạo đức, luật pháp ở nhiều trường so với trước đã giảm hẳn. Tính tích cực xã hội của sinh viên ngày càng rõ nét. Các hoạt động tình nguyện, "tương thân tương ái", "lá lành đùm lá rách" được sinh viên tích cực tham gia và đạt được hiệu quả giáo dục, có ý nghĩa xã hội sâu sắc.

+ Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, còn có một bộ phận sinh viên mơ hồ về lý tưởng cách mạng, ngại tham gia các hoạt động xã hội, đoàn

thể, thờ ơ với chính trị, với tình hình chung của đất nước, ý chí phấn đấu chưa cao. Một bộ phận sinh viên chưa tích cực học tập và rèn luyện, còn lười học, thiếu trung thực trong học tập, gian lận trong thi cử; vi phạm nội quy, quy chế, thậm chí vi phạm pháp luật, biểu hiện lối sống thực dụng, đua đòi. Tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, cờ bạc, rượu chè trong sinh viên vẫn là vấn đề đáng lo ngại, tình hình mê tín dị đoan trong sinh viên có chiều hướng tăng lên.

- Về kiến thức, kỹ năng

Kết quả học tập của sinh viên các trường đại học có chiều hướng tiến bộ (bảng 1) trong những năm gần đây do chúng ta đã chú ý nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các trường đại học và cao đẳng nên chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng đã có sự cải thiện đáng kể. Sinh viên được tiếp cận với một số lĩnh vực kiến thức hiện đại, từng bước nắm vững công nghệ thông tin và ngoại ngữ phục vụ cho học tập và làm việc sau này. Chất lượng kiến thức và kỹ năng của một bộ phận sinh viên ở các khoa, các lớp kỹ sư, cử nhân tài năng ở một số trường đại học đạt mức độ tốt.

**Bảng 1: Kết quả học tập ở các trường đại học, cao đẳng**

	Xuất sắc (%)	Giỏi (%)	Khá (%)	TB khá (%)	Trung bình (%)	Yếu (%)	Kém (%)
1998-1999	0,7	3,6	16,5	27,2	42,1	6,4	3,5
1999-2000	0,6	3,8	17,7	28,7	39,1	6,5	3,4
2002-2002	0,6	4,0	18,5	29,3	37,1	6,7	3,8

*Nguồn: Vụ Đại học và sau đại học, Bộ Giáo dục - Đào tạo*

- Hạn chế tương đối phổ biến trong sinh viên là sự ham thích và khả năng nghiên cứu khoa học. Hạn chế rõ rệt về trình độ ngoại ngữ, tin học là những nguyên nhân chủ yếu tạo nên năng lực thích ứng thấp của sinh viên đối với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

- Riêng về đào tạo sau đại học có thể nói chất lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh còn chưa đáp ứng mong muốn. Trong đào tạo cao học chỉ có một số ít ngành có chương trình, nội dung đào tạo thật sự cập nhật, ở nhiều ngành khác, chương trình và nội dung đào tạo thực sự chưa vượt quá các nội dung đào tạo các chuyên ngành tương ứng ở đại học; điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học của học viên cao học còn rất thiếu. Vì vậy có thể nói, chỉ một bộ phận nhỏ học viên được cấp bằng thạc sĩ thực sự có trình độ và thông qua quá trình học tập mà khả năng công tác được nâng cao. Một số ít nghiên cứu sinh có luận án tiến sĩ đạt chất lượng cao, góp phần giải quyết một số vấn đề trong khoa học cơ bản, công nghệ, sản xuất, quản lý kinh tế, xã hội. Còn có nhiều luận án tiến sĩ có chất lượng thấp, chưa cập nhật trình độ phát triển khoa học, công nghệ, chưa gắn với cuộc sống và chưa phục vụ thiết thực các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

### Một số kết luận

Như trên đã nói, nghiên cứu đánh giá chất lượng người học là vấn đề cần được đẩy mạnh trong thời gian tới và phải dựa trên những chứng cứ khoa học đầy đủ hơn. Tuy nhiên từ những gì đã có được, có thể tóm tắt về chất lượng

học sinh, sinh viên Việt Nam ở một số điểm cơ bản sau:

Chất lượng giáo dục có tiến bộ. Giáo dục phổ thông có chuyển biến bước đầu về chất lượng toàn diện, kiến thức của học sinh (nhất là về toán và khoa học tự nhiên) không thua kém trình độ học sinh của các nước. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học đã đạt chất lượng tốt trong một số lĩnh vực. Chính sự tiến bộ của chất lượng giáo dục toàn diện đã góp phần quan trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước trong điều kiện tình hình quốc tế và sự tác động của các thế lực thù địch đối với nước ta có nhiều biến động trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên đối với yêu cầu CNH, HĐH đất nước, trong xu thế hội nhập quốc tế thì chất lượng người học ở nước ta còn bất cập. Giáo dục phổ thông vẫn chưa khắc phục được tình trạng thiên về dạy chữ, nhẹ về dạy người, hướng nghiệp. Trong giáo dục nghề nghiệp và đại học điều đáng lo ngại nhất là chất lượng giảng dạy các môn chính trị còn thấp, kém hiệu quả; tình trạng người học thiếu cố gắng, thiếu trung thực trong học tập khá phổ biến; chất lượng đào tạo thấp về chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ thông tin; khả năng sáng tạo, năng lực thực hành, giải quyết độc lập các vấn đề của người học còn chưa đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH đất nước, yêu cầu hội nhập, cạnh tranh quốc tế trong tình hình mới.

Việc khắc phục những hạn chế và bất cập này đặt ra những nhiệm vụ to lớn đối với giáo dục và đào tạo trong thời gian tới ♦